UBND TỈNH TRÀ VINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 170123

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Ngôn ngữ học xã hội

Tên Tiếng Anh: Sociolinguistics

Đơn vị phụ trách: Sư phạm Ngữ văn & Ngôn ngữ Khmer

Khoa:Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết; 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 10 buổi (4 tiết/buổi) + 01 buổi (5 tiết/buổi).

Học kỳ: II (học kỳ II năm thứ 1)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: TS. Trần Thanh Bình *(SĐT: 0903798777; Email: ttbinh@xuatbangiadinh.vn).*
- GV cùng giảng dạy: ThS. Ngô Phú Hải (*SĐT: 0902 609 650; Email: nphai@tvu.edu.vn).*

ThS. Nguyễn Thị Thoa *(SĐT: 0763850335; Email: thoa020476@tvu.edu.vn)*

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: không

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☑					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☑		Chuyên ngành ☐		Tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 01
- Ngày hiệu chỉnh: 16/7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theoQui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập

nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích và nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội, phân tích sự hình thành, đặc điểm ngôn ngữ giai cấp, giới tính các vấn đề về phương ngữ, song ngữ, đa ngữ, giao tiếp ngôn ngữ.

**** Mục tiêu:*** Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: (i) nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội, (ii) sự hình thành, đặc điểm ngôn ngữ giai cấp, giới tính (iii) các vấn đề về phương ngữ, song ngữ, đa ngữ, (iv) các yếu trong giao tiếp. Từ đó, sinh viên vận dụng vào việc nghiên cứu, lí giải các vấn đề xã hội nảy sinh có nguyên nhân từ ngôn ngữ; giao tiếp đạt hiệu quả cao. Giáo dục sinh viên tác phong làm việc chuyên nghiệp, học tập nghiêm túc, tích cực.

IV. Kết quả học tập mong đợi:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
170123	NNHXH		M		M	M	M			M	L	M	L

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và các khái niệm cơ bản của Ngôn ngữ học xã hội.	ELO: 2, 5, 6
CELO2	Hiểu được những vấn đề đặt ra đối với ngôn ngữ học xã hội hiện đại và vận dụng vào tình hình ngôn ngữ học ở Việt Nam.	ELO: 4, 5, 6
CELO3	Lí giải được mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và cấu trúc xã hội.	ELO: 6, 9, 10
Kĩ năng		
CELO4	Nhận diện các biến ngôn ngữ	ELO: 4, 5, 6, 9
CELO5	Đọc và viết điểm luận về một vấn đề ngôn ngữ học xã hội.	ELO: 4, 6, 9

CELO6	Xây dựng công cụ thu thập thông tin cho nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội.	ELO: 4, 5, 6, 10
Thái độ		
CELO7	Thể hiện nhận thức về vai trò của các nhân tố xã hội trong lựa chọn ngôn ngữ.	ELO: 11,12
CELO8	Nhạy bén và có ý thức chính trị đối với các vấn đề ngôn ngữ suốt đời.	ELO: 11, 12

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Diễn giảng kết hợp phát vấn, trình chiếu Powerpoint;
- Thảo luận nhóm: thảo luận các vấn đề về nguyên nhân hình thành song ngữ, phương ngữ, ngôn ngữ giới tính, xây dựng chiến lược giao tiếp;
- Tạo khóa học, xây dựng học liệu và tương tác với sinh viên trên khóa học Elearning;
- Thuyết trình: phân nhóm và giao nội dung thuyết trình cho các nhóm về các phương ngữ xã hội;
- Phân vai: xây dựng tiểu phẩm theo tình huống.

5.2. Phương pháp học tập

- Tham gia tương tác, thực hiện các hoạt động theo yêu cầu của giảng viên giảng dạy;
- Có kĩ năng tin học cơ bản để thực hiện các bài thuyết trình, tương tác, hoàn thành các bài tập trên khóa học E-learng;
- Tự học, tự nghiên cứu;
- Làm việc độc lập, làm việc nhóm.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự ít nhất 80% giờ của học phần;
- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu để tương tác và tham gia đạt hiệu quả các hoạt động trên lớp;
- Tham gia đóng góp tích cực cùng nhóm hoàn thành các bài thuyết trình, bài tập trên khóa học Elearning;
- Tham gia trao đổi ý kiến về các chủ đề trên diễn đàn của khóa học Elearning.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá quá trình gồm:

+ Tham dự lớp (chiếm 10%)
+ Câu hỏi ngắn (chiếm 10%)
+ 1 bài thuyết trình nhóm (chiếm 10%)
+ Giao tiếp theo tình huống (chiếm 10%)

+ 04 bài tập trên khóa học E – Learning (chiếm 10%)

- Đánh giá học phần: thi tự luận (chiếm 50%)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học có: sự hình thành, đặc điểm ngôn ngữ giai cấp, giới tính, các vấn đề về phương ngữ, song ngữ, đa ngữ, các sự kiện giao tiếp, lịch sự, chiến lược, cấu trúc trong giao tiếp.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng thuyết trình, xây dựng chiến lược giao tiếp; đọc hiểu tài liệu quan quan đến học phần.

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Chương 1: Ngôn ngữ học xã hội: bối cảnh ra đời, mục đích, nội dung nghiên cứu.	CELO1	Câu hỏi ngắn	
Chương 2: Hiện tượng song, ngữ, đa ngữ, ngôn ngữ lai tạp	CELO 1, 2, 6	Câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm, bài tập	Xác định định nguyên nhân hình thành song ngữ, đa ngữ;
Chương 3: Phương ngữ, ngôn ngữ và giai cấp, giới tính	CLO3, 6, 7, 8	Câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm, thuyết trình, bài tập	Lí giải cách xác định quan hệ giữa ngôn ngữ - phương ngữ ở một số nước, nguyên nhân hình thành ngôn ngữ giai cấp, giới tính
Chương 4: Giao tiếp ngôn ngữ	CELO4,5, 6, 7, 8	Câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm, giao tiếp theo tình huống	Phân tích vai trò của các sự kiện ngôn ngữ trong giao tiếp, yếu tố lịch sự trong giao tiếp

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu* X *vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Câu hỏi ngắn (10%)	Bài tập (10%)	Giao tiếp theo tình huống (10%)	Thuyết trình (10%)	Thi cuối kỳ (50 %)

CELO1	X	X				X
CELO2	X	X	X			X
CELO3	X	X	X		X	X
CELO4	X	X		X		X
CELO5	X	X		X		X
CELO6	X	X	X			
CELO7	X	X				
CELO8	X	X				

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (4 tuần)

Buổi	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1,2, 3	**Chương 1:** Ngôn ngữ học xã hội: bối cảnh ra đời, mục đích, nội dung nghiên cứu.	CELO 1
	1.1 Bối cảnh ra đời của NNHXH	
	1.2 Mục đích nghiên cứu của NNHXH	
	1.3 Nội dung nghiên cứu của NNHXH	
	Chương 2: Hiện tượng song ngữ, đa ngữ, ngôn ngữ lai tạp **Bài 1**: Hiện tượng song ngữ, đa ngữ	CELO 1, 6
	1.1. Song ngữ, đa ngữ	
	1.2. Đa thể ngữ	
	1.3. Giao thoa ngôn ngữ	
	1.4 Các nhân tố xã hội làm này sinh hiện tượng đa ngữ	
	1.5 Trình hình đa ngữ	
4	**Bài 2:** Hiện tượng lai tạp ngôn ngữ	CELO 2
	2.1 Pidgins	
	2.2 Creole	
5,6	**Chương 3**: Phương ngữ, ngôn ngữ và giai cấp, giới tính Bài 1: Phương ngữ	CELO 3, 6, 7, 8
	1.1.Định nghĩa, phân loại phương ngữ	
	1.2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và phương ngữ	
	1.3. Các phương ngữ xã hội	
	Bài 2: Ngôn ngữ và giai cấp	CELO 3, 6, 7, 8
	2.1. Khái niệm phương ngữ giai cấp, phương ngữ giai tầng	
	2.2. Nguyên nhân hình thành phương ngữ giai cấp, phương	

	ngữ giai tầng	
	2.3. Các biến thể ngôn ngữ trong phương ngữ giai cấp, phương ngữ gai tầng	
7, 8, 9, 10, 11	**Bài 3:** Ngôn ngữ và giới tính	CELO 3,6, 7, 8
	5.1: Kết quả nghiên cứu về NN - giới trước, sau và của R. Lakoff.	
	5.2. Những điểm khác nhau về ngôn ngữ giữa nam và nữ	
	5.3. Mục đích nghiên cứu NN – giới	
	Chương IV: Giao tiếp ngôn ngữ	CELO4, 5, 7, 8
	4.1. Tính XH của lời nói	
	4.2. Năng lực giao tiếp	
	4.3 **.** Sự kiện giao tiếp	
	4.4. Quan hệ giao tiếp	
	4.5. Chọn mã và phong cách	
	4.6. Lịch sự trong giao tiếp	

B. Phần thực hành (6tuần)

X. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Khang (2012), Ngôn ngữ học xã hội, NXB Giáo dục
2. Hoàng Tuệ (1992), "Vấn đề song ngữ", Ngôn ngữ số 3
3. Hoàng Tuệ (1993), "Từ song ngữ bất bình đẳng đến ngôn ngữ cân bằng", Ngôn ngữ số 4
4. Mai Xuân Huy (1996), Thử khảo sát các cung bậc của ngôn ngữ trong giao tiếng vợ chồng người Việt , Ngôn ngữ số 4
5. Nguyễn Thị Thanh Bình (1996), "Tác động của hoàn cảnh giao tiếp đến ngôn ngữ trẻ em 2 –
6. tuổi ở Hà Nội: Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt, NXB VHTT

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Thị Thoa

KHOA NGÔN NGỮ-VĂN HÓA-NGHỆ THUẬT KHMER NAM BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

LỚP:
MÃ LỚP:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): .....
2. Chức danh, học vị: .....
3. Đơn vị công tác: .....
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: .....
5. Môn học: .....
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: đánh giá CHUYÊN CẦN (tham dự lớp)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Thái độ tham dự	10	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	10	mỗi buổi học là 1% và không được vắng trên 2 buổi			

Rubric 2: Đánh giá CÂU HỎI NGẮN

Tiêu chí	**Điểm số (Thang điểm 10)**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
		100%	*75%*	*50%*	*0%*
Chất lượng câu hỏi	4	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp
Chất lượng đóng góp ý kiến	4	Phân tích, đánh giá đầy đủ, đúng và logic	Phân tích, đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ và logic	Phân tích, đánh khá logic nhưng chưa đủ	Phân tích, đánh giá lạc đề

Mức độ tham gia	2	> 4 lượt	3-4 lượt	1-2 lượt	Không tham gia

Rubric 4: Đánh giá THUYẾT TRÌNH

Tiêu chí	**Điểm số (Thang điểm 10)**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
		100%	*75%*	*50%*	*0%*
Tham dự lớp	0.5	Tích cực tham gia các hoạt động	Thường xuyên tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
	0.5	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi > 3 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi > 2 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi > 1 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Không tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi trong các buổi báo cáo thuyết trình
Nội dung	1	Đầy đủ, phong phú, sâu	Đầy đủ, khá sâu, khá phong phú	Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng)	Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan trọng)
Hình thức	1	Slide đẹp, sinh động, có hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu cần thiết	Slide khá đẹp, sinh động, có nhưng chưa đầy đủ hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu cần thiết	Slide rõ ràng thiếu hình ảnh, bảng biểu cần thiết	Slide sơ sài, nhàm chán
Trình bày báo cáo	1	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	2	Lập luận khoa học và logic	Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai	Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic

			sót nhỏ	số sai sót quan trọng	
	3	Tự tin, không lệ thuộc tài liệu, slide	Khá tự tin, không lệ thuộc tài liệu, slide	Thiếu tự tin, không lệ thuộc tài liệu, slide	Thiếu tự tin, lệ thuộc tài liệu, slide
Tương tác với người nghe	0.5	Tương tác tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)	Tương tác khá tốt (cử chỉ, ánh mắt, 1 vài sai sót về thái độ cầu thị)	Tương tác ít (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
* Sự phối hợp trong nhóm	0.5	Nhóm phối hợp tốt để trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi của các sinh viên khác, giảng viên đặt ra	Nhóm phối hợp khá tốt, trả lời khá đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi của các sinh viên khác, giảng viên đặt ra	Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt, trả lời chưa đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi của các sinh viên khác, giảng viên đặt ra	Không thể hiện sự phối hợp

Rubric 5 Đánh giá GIAO TIẾP THEO TÌNH HUỐNG

Tiêu chí	**Điểm số (Thang điểm 10)**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
		100%	*75%*	*50%*	*0%*
Tham dự	2.5	Tham gia và có nhiều đóng góp vào việc xây dựng tiểu phẩm, giữ một vai quan trọng trong	Tham gia và có đóng góp khá nhiều vào việc xây dựng tiểu phẩm, giữ một vai	Tham gia nhưng ít đóng góp vào tiểu phẩm của nhóm	Không tham gia hoạt động

		tiểu phẩm	khá quan trọng trong tiểu phẩm		
Nội dung	2.5	Vận dụng tốt các sự kiện giao tiếp, nội dung, lượt lời hợp lí, sâu sắc, thể hiện chiến lượt giao tiếp hiệu quả	Vận dụng khá tốt các sự kiện giao tiếp, nội dung, lượt lời hợp lí, thể hiện chiến lượt giao tiếp khá hiệu quả	Có vận dụng khá tốt các sự kiện giao tiếp, nội dung, lượt lời khá hợp lí, nhưng chưa thể hiện được chiến lượt giao tiếp	Chưa triển khai được tình huống giao tiếp, nội dung sơ sài, lượt lời không hợp lí, không thể hiện được chiến lược giao tiếp
Hình thức	2.5	Có đầu tư trang phục, đạo cụ, tạo bối cảnh phù hợp, thể hiện ý tưởng sáng tạo	Có đầu tư trang phục, đạo cụ, bối cảnh nhưng còn sơ sài	Không đầu tư trang phục, đạo cụ, nhưng có tạo bối cảnh	Không có đạo cụ, trong phục, bối cảnh cho cuộc thoại
Trình bày tiểu phẩm	2.5	Nhập vai, lời thoại lưu loát, ngữ điệu, biểu cảm tốt	Khá nhập vai, lời thoại lưu loát, thể hiện ngữ điệu, biểu cảm khá	Chưa nhập vai, lời thoại chưa lưu loát, chưa có ngữ điệu, biểu cảm phù hợp	Chưa thể hiện được các vai trong cuộc thoại

Rubric 6: Đánh giá BÀI TẬP TRÊN KHÓA HỌC E-LEARNING

Bài tập 1:

Tiêu chí	**Điểm số**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	01	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	01	Thể hiện được tất cả các điểm khác nhau giữa vay mượn và giao thoa ngôn ngữ	Thể hiện được 25% điểm khác nhau giữa vay mượn và giao thoa ngôn ngữ	Thể hiện được 50% điểm khác nhau giữa vay mượn và giao thoa ngôn ngữ	Thể hiện được ít hơn 50% điểm khác nhau giữa vay mượn và giao thoa ngôn ngữ

Bài tập 2:

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	01	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	01	Nêu được các lí do về: kinh tế, chính trị, chiến tranh, có dẫn chứng minh họa đầy đủ	Nêu được 75 % lí do về: kinh tế, chính trị, chiến tranh, có dẫn chứng minh họa đầy đủ	Nêu được 50% lí do về: kinh tế, chính trị, chiến tranh, có dẫn chứng minh họa đầy đủ	Nêu được các lí do về: kinh tế, chính trị, chiến tranh, không có dẫn chứng minh họa

Bài tập 3:

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	02	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	02	Nêu được 4 lí do về: tôn giáo, chính trị, lịch sử, thái độ của người sử dụng ngôn ngữ, có dẫn chứng minh họa đầy đủ	Nêu được 3/4 lí do về: tôn giáo, chính trị, lịch sử, thái độ của người sử dụng ngôn ngữ, có dẫn chứng minh họa đầy đủ	Nêu được 4 lí do về: tôn giáo, chính trị, lịch sử, thái độ của người sử dụng ngôn ngữ, nhưng dẫn chứng minh họa không đầy đủ	Nêu được ít hơn 3 lí do về: tôn giáo, chính trị, lịch sử, thái độ của người sử dụng ngôn ngữ, không có dẫn chứng minh họa

Bài tập 4:

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	01	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	01	Lí giải thuyết phục sự thay đổi phong cách	Lí giải khá thuyết phục sự thay đổi phong	Lí giải tương đối thuyết phục sự thay	Lí giải vấn đề sơ sài, thiếu thuyết phục

		ngôn ngữ giữa nam và nữ: quan niệm xưa, địa vị xã hội, kinh tế của nam, nữ trong xã hội hiện nay, sự tinh tế trong ứng xử của nam giới,..	cách ngôn ngữ giữa nam và nữ: quan niệm xưa, địa vị xã hội, kinh tế của nam, nữ trong xã hội hiện nay, sự tinh tế trong ứng xử của nam giới,..	đổi phong cách ngôn ngữ giữa nam và nữ nhưng không đầy đủ theo các ý: quan niệm xưa, địa vị xã hội, kinh tế của nam, nữ trong xã hội hiện nay, sự tinh tế trong ứng xử của nam giới,..	

Rubric 7: Đánh giá THI CUỐI KÌ

Tiêu chí	**Điểm số**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	10	Trả lời đúng tất cả nội dung	Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm			